CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số (*N°*): **11907/NVICC09-01/26-00**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KIỂU LOẠI Ô TÔ SẢN XUẤT, LẮP RÁP

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR AUTOMOBILES

Cấp theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số: **12399/26/AH** Ngày **28/07/2026**
Pursuant to the Technical document N° *Date*

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: **QCVN 09 : 2024/BGTVT**
Standard, regulation applied

Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá đảm bảo chất lượng số: **920020/920049/02/25/01** Ngày **17/03/2025**
Pursuant to the results of COP examination record N° *Date*

Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm tra, thử nghiệm số: **12444/26/BC** Ngày **25/07/2026**
Pursuant to the results of Testing report N° *Date*

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT CHỨNG NHẬN
National Vehicle Inspection and Certification Center hereby approves that

Nhóm phương tiện *(Vehicle Category)*: **Ô tô tải thông dụng**
Loại phương tiện *(Vehicle Type)*: **Ô tô tải có mui**
Mức độ điện hóa *(Degree of Electrification)*: **Không**
Nhãn hiệu *(Trademark)*: **KIA** Tên thương mại *(Commercial Name)*: **FRONTIER K250L**
Mã kiểu loại *(Model Code)*: **B34R131E5-M51**
Mã số khung *(Frame number code)*: **RNHA49KHK*T******

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	**2450** kg
Phân bố khối lượng bản thân lên các trục *(Distribution on axles)*:	**1250 / 1200** kg
Số người cho phép chở không kể người lái (ngồi + đứng + nằm + xe lăn) *(Seating capacity excluding driver)*:	**02 (02+0 +0 +0)** người
Khối lượng chuyên chở thiết kế lớn nhất /cho phép lớn nhất *(Max. Design/ Authorized pay mass)*:	**2350 / 2350** kg
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế/ cho phép lớn nhất *(Max. Design/ Authorized total mass)*:	**4995 / 4995** kg
Phân bố khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất lên các trục *(Max. Authorized total mass Distribution on axles)*:	**1710 / 3285** kg
Phân bố khối lượng toàn bộ theo thiết kế lên các trục *(Max. Design mass distribution on axles)*:	**1710 / 3285** kg
Khối lượng kéo theo theo thiết kế lớn nhất/cho phép lớn nhất *(Max.Towed mass: Design/Authorized)*:	--- / --- kg
Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao)*(Overall dimensions: L x W x H)*:	**6535** x **2000** x **2950** mm
Kích thước lòng thùng chở hàng/bao ngoài xi téc: *(Inside cargo/Outside of tank:L x W x H)*	**4470**/--- x **1870**/--- x **1900/590** mm
Số trục xe *(Quantity axles)*: **2** Khoảng cách trục *(Wheel space)*:	**3350** mm
Công thức bánh xe *(Drive configuration)*: **4 x 2** Vết bánh xe các trục *(Axles track)*:	**1485 / 1520** mm
Ký hiệu; loại động cơ *(Engine model, Type)*: **D4CB; 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng, tăng áp**	
Công suất lớn nhất/tốc độ quay *(Max. output/ rpm)*:	**96 / 3800** kW/rpm
Loại nhiên liệu *(Fuel)*: **Diesel** Thể tích làm việc:*(Displacement)*	**2497** cm^3

Số lượng; Cỡ lốp: Trục 1: **02; 6.50R16** Trục 2: **04; 6.50R16** Trục 3: ---
(Qty; Tyre size) Trục 4: --- Trục 5: --- Trục 6: ---

Hệ thống lái *(Driver system)*: **Trục vít - ê cu bi; Cơ khí, trợ lực thuỷ lực**
Hệ thống phanh chính *(Service braking system)*: **Phanh đĩa/ Tang trống; Thủy lực trợ lực chân không**
Hệ thống phanh đỗ xe *(Parking braking system)*: **Tang trống; Bánh xe trục 2; Cơ khí**
Phương tiện giao thông thông minh *(Intelligent Motor Vehicle)*: **Không**
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: **CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT VÀ LẮP RÁP XE TẢI THACO**
(Name and address of manufacturer) **KCN Cơ khí Ô tô Chu Lai Trường Hải, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp: **CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT VÀ LẮP RÁP XE TẢI THACO**
(Name and address of assembly plant) **KCN Cơ khí Ô tô Chu Lai Trường Hải, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Kiểu loại xe nói trên thỏa mãn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia *(The product is in compliance with the)* **QCVN 09 : 2024/BGTVT.**
Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày *(This certificate is valid until)*: **30/07/2029**

Hà Nội, ngày **30** *tháng* **07** *năm* **2026**
TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG PHÒNG PTGT ĐƯỜNG BỘ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Nguyễn Quang Huy